

Chuyện kể đời tôi

Lâm Viên

Những điều tôi tường thuật nơi đây là thật, nhưng rất có thể một số quý vị sẽ nghi ngờ; Đó là cuộc sống của tôi vào cuối thế kỷ 20. Từ năm 1952 tôi được người côi Âm phù hộ và kiểm soát, cụ thể như thế nào từ từ tôi sẽ kể lại nơi đây. Thời kỳ mà khoa học đã tiến rất xa trên nhiều lãnh vực, mà tôi lại đề cập đến đời sống vô hình như người bị tâm thần hoặc mê tín dị đoan.

Ngã rẽ thứ nhất:

Trước khi Nhật đến tôi học rất khá, luôn đứng hạng nhì hoặc hạng ba ở lớp nhì nhất niên và vài tháng đầu của lớp nhì nhị niên, do có Ba tôi kèm. Khi chiến tranh có vẻ sắp xảy ra, Mẹ tôi đem hai em tôi về quê. Một mình tôi đến ở trọ nhà người chị con ông Bác ruột. Thịnh thoảng Ba tôi về thăm, nhưng sau Ba tôi bị đổi qua Lào, tôi vẫn ở nhà người chị. Sau đợt công tác ở Lào, Ba tôi được trở về Hỏa xa Nha trang nên Mẹ tôi trở vào cùng hai em mượn nhà sống đoàn tụ. Được chừng hơn nửa năm, Ba tôi đi mở đường chiến lược QL 14 dọc dãy Trường Sơn, theo dự trù của thực dân Pháp để chống Nhật. Thế là Mẹ tôi phải trở về quê. Từ đó tôi trở nên lười học vì tinh thần bị giao động và không được sống dưới mái ấm gia đình, không ai săn sóc kèm chế sự lêu lộng phóng túng của tôi. Những ngày nghỉ học và suốt mấy tháng hè, mỗi buổi sáng biển êm, tôi ra biển ngụp lặn nhưng không hề biết bơi, chỉ chọi đập lặn sát đáy biển nước trong vắt để lượm vỏ sò vỏ ốc. Có khi chạy theo các xe ngựa, đeo vào sau để đi chỗ này chỗ kia không trả tiền; Phần

nhiều là bị đuổi xuống, té sấp té ngựa, cho đến đủ kinh nghiệm không bị té nữa lại càng đeo xe ngựa để đến trường cho đỡ một đoạn đường đi bộ rất xa. Không nhớ vì sao tôi lại về ở với Cô ruột tôi ở Nha-trang, có chồng làm nghề kim hoàn, 3 người con trai và 2 người con gái. Gia đình sống rất nghèo khổ, dân có cánh bò đầy nhà nhất là trên vách nhà vệ sinh. Việc ăn uống thật đạm bạc, gạo mốc gạo mục, quanh năm không có một miếng thịt, chỉ có cá kho, cá canh mà tôi không hề biết ăn. Ở nhà Cô tôi năm ba tháng gì đó, tôi về ở trọ gia đình người bà con tại An-cự Huế. Thời kỳ ở trọ tại đây, tôi lại rất khốn đốn vì quanh năm phải ăn cơm gạo mục nát độn bắp khô, khoai sắn khô sâu và một đực khoét. Nhà họ chuyên buôn bán ngũ-cốc nên những thứ nào bán không được thì đem về nấu cho toàn gia đình ăn, ngoại trừ các cháu nội của họ, trong khi Mẹ tôi có đem gạo ruộng và đóng tiền hàng tháng cho họ. Vậy là tôi chịu đựng cảnh sống ăn độn đó suốt 7 tháng học tiểu học (lớp nhì nhị niên) và tôi bị tiêu chảy hàng đêm. Cứ đến nửa đêm là ruột sôi ào ào—nhưng không dám ngủ, chờ đi cầu vì sợ bung ra quần, thắm vào chần mền thì rất là lớn chuyện. Mùa mưa lại còn khổ hơn vì mưa phùn dai dẳng, lạnh vô cùng mà nửa đêm phải mang toi lá ra vườn. Khi đào lỗ để “đi” vào, chẳng biết chỗ ấy có ai “đi” vào chưa vì không đèn đuốc, xong rồi cào đất lấp lại. Xong động tác mang toi đội nón cuốc đất đào lỗ là đủ sốn ra quần, chưa kể đạp nhằm cóc hoặc rắn rết có thể bị cắn chết toi. Thời gian này tôi học với thầy Tráng-Cử khoảng 6 hay 7 tháng, bị Thầy không

cho lên lớp nhứt (lớp 5 tiểu học) vì không học đủ niên khoá, vả lại học sinh quá đông, lớp nhứt không còn chỗ chứa thêm học sinh vừa cũ (thi tiểu học bị rớt), vừa mới từ lớp dưới lên. Rất may là có ông Đốc Th. Hiệu Trưởng trường Gia hội và con trai cùng trang lứa với tôi đến chơi, nghe trường hợp của tôi, ông đem tôi và con trai ông ra thử sức, rốt cuộc tôi được ông đem qua học lớp nhứt ở trường tiểu học Gia-hội. Qua giai đoạn học lớp nhứt với thầy Đoàn-Nê, tôi ở trọ nhà Bác họ trong thành nội, được ăn gạo ruộng (giã bằng tay) còn đủ chất cám, nhưng lại không hề có thịt cá, một ngày như mọi ngày, chỉ có rau muống luộc chấm với mắm nêm pha thêm nước lạnh cho gia đình và thợ thuyền ăn. Bác tôi và một cháu nội trai đích tôn có tiêu chuẩn riêng, có tôm cá thịt thà đầy đủ; Vợ con Bác rất đông nên họ cùng ăn uống với thợ. Tôi chưa bao giờ biết ăn mắm nêm pha loãng như thế, Mẹ tôi có cho tiền ăn quà vặt nên tôi dùng tiền đó nhờ mấy bà chị mua giùm tôm chua, ớt dầm nước muối hoặc nước mắm để ăn với cơm. Suốt năm ăn uống như vậy nhưng tôi vẫn khỏe mạnh, ngủ được nhiều, không bị tiêu chảy. Sau khi đậu tiểu học, tôi lại trở về ở trọ nhà bà con ở An-cựu để đi học ở trường Việt-Anh cho gần, nhưng lại phải chịu đựng cảnh ăn cơm độn ngũ cốc cho đến ngày 9-3-45 là ngày thầy trò già biệt nhau trong nghẹn ngào, tương lai mù mịt. Từ đó tôi không hề được gặp lại quý Thầy Cô giáo dù chỉ một người. Bạn học tôi chỉ gặp được vài người sau khi về Huế đi học lại, nhưng họ cũng đã lập gia đình. Riêng chị Tôn-nữ-thị-Ph còn độc thân vì bị bệnh giật kinh phong, nhưng cũng có mở một kiosque ngay đầu cầu Trường-Tiền bán dụng cụ học sinh và sách báo, thấy tội nghiệp cho chị bạn.

Phần đông ở tuổi tôi hoặc lớn hơn, ai cũng lận đận trong việc học hành vì hoàn cảnh chiến tranh, nhưng tôi có hơi khác: Rất thường bị xa

gia đình, sống thiếu dinh dưỡng khổ cực, không có điều kiện tiếp tục học vì cha mẹ không có nhà ở thành phố. Cũng vì vậy mà tôi mang một bệnh kinh niên về tiêu hóa, ăn cơm xong phải nằm hơn 2 giờ mới đi đứng được, học hành hoặc làm việc được.

Ngã rẽ thứ 2:

Sau 9-3-45 tôi về quê ở với Mẹ, suốt ngày hụp lặn ngoài sông, hoặc đi câu cá, bắn chim với ná giấy thun. Tôi còn đam mê thú nuôi chim từ khi nó chưa mọc lông, chim sẻ chim sáo rất dễ thương. Ở tuổi 14 không biết lo gì, vì tất cả đã có cha mẹ lo rồi. Thế là tôi rong chơi suốt ngày thoải mái, được ăn ngon và sống trong không khí gia đình. Khi Việt Minh cướp chính quyền, Ba tôi không được sử dụng nên trở về quê an phận. Từ đó tôi cũng vừa lên 15, 16. Bao nhiêu công việc nặng nhọc trong nhà ngoài ngõ đều do tôi đảm trách: gánh nước, xay lúa giã gạo, trồng trọt trong vườn hoặc rẫy trại. Có lúc tôi phải mang 1 gùi vải đi bán ở các xóm xa, nhưng không bán được vì con trai 15, 16 tuổi bán vải không ai mua. Ba tôi nghĩ đến cuộc sống cố định ở quê nên lo xây cất một căn nhà cho khang trang đẹp đẽ. Ông và tôi phải tự đúc những viên gạch với cát sạn và vôi Long-thọ Huế. Song song với những công việc đó, thỉnh thoảng Ba tôi có dạy tôi học toán và chút ít về hội họa công chánh. Vào thời điểm đó VM đã bắt đầu đánh Pháp và khủng bố, ám sát giết chóc xảy ra liên tục. Mỗi đêm đều có người bị chém giết, chặt đầu, mổ bụng. Ban ngày thì đồn Pháp tra tấn đánh đập những người bị tình nghi theo kháng chiến. Mạng sống hồi đó rất bấp bênh, nhất là đối với những người đã làm việc cho thực dân trước đây như Ba tôi. Thỉnh thoảng Cán bộ VM vào nhà yêu cầu cho tôi theo họ đi vào rừng, gọi là chiến khu, để tham gia hoạt động du kích. Khoảng giữa năm 1947 tôi phải lên đi vô Đà-nẵng để lánh mặt. Tạm giải quyết được vấn đề của tôi, nhưng vì thế Ba

tôi cũng phải trốn vào Đà Nẵng sau tôi 6 tháng, hơn nữa Ông đã từng bị VM theo dõi vì không hợp tác với kháng chiến. Tại Đà-nẵng, Ba tôi được tái sử dụng với ngạch trật cũ và hưởng lương truy lãnh 3 năm không đi làm trong thời gian trước đó.

Ngã rẽ thứ 3:

Xem như tôi được một thời êm ả tươi đẹp trong đời vì tránh được bom đạn và cảnh giết chóc, được ăn ngon ngủ kỹ và nuôi mộng làm giàu: Vào thời điểm đó những người chủ tiệm chụp ảnh rất giàu nên tôi không để ý đến chuyện học hành nữa. Làm công chức đâu có khá bằng hành nghề tự do và lại nghề này cũng có vẻ thanh nhàn hơn các nghề khác. Học nghề được hơn 4 năm, tay nghề chưa vững mà ông anh rể tôi đã bàn với Ba tôi cho tôi ra nghề, xem như Sư phụ cho tôi “xuống núi”. Vào thời kỳ 1950-1951 đồng tiền rất có giá trị mà Ba tôi bỏ ra 20 ngàn đồng, tương đương 10 tháng tiền lương của một công chức, để thuê một cửa tiệm theo thể thức “sous locataire” nghĩa là thuê lại trong 10 tháng hợp đồng còn lại của họ. Sau khi hết hợp đồng, nếu muốn tiếp tục sẽ phải điều đình với chủ nhà. Tôi bị thất bại ngay vì sau khi khai trương tiệm chừng 3 tháng, Tòa án ra lệnh sai áp cửa tiệm tôi đang hành nghề để tịch biên tài sản của người cho tôi thuê nhà lại, người này bị khánh tận nên tôi bị vạ lây. Tôi phải thuê mướn luật sư biện hộ để được tiếp tục duy trì tiệm và khỏi bị tịch thu đồ đạc máy móc hành nghề. Triệu chứng bắt tường trước mắt, thu nhập lại không đủ sở hụi: Hàng tháng chi phí 2 ngàn đồng tiền thuê nhà, 2 ngàn đồng tiền mướn thợ, 1 ngàn đồng tiền thư ký giữ sổ sách và tiếp khách, chưa kể điện nước, giấy và phim cùng hóa chất, thuế má v.v...tổng cộng gần 6 ngàn, mà thâm vào chỉ được 4 ngàn mỗi tháng. Phần lương tôi xem như không có lấy một cắc bạc. Ba tôi vào Đà-nẵng sống được vài tháng thì bị dị ứng nên bị suyễn quá nặng, Ông nghĩ

là không thể sống nổi nên đề nghị tôi nên lấy vợ để Ông còn có thể lo cho một đám cưới đàng hoàng trước khi Ông qua đời. Ba Má tôi chọn vợ cho tôi đâu đó rồi tuy rằng tôi chưa hề biết mặt cô vợ tương lai ấy. Thế là tôi phải tìm cách đi xem mặt cô nàng mà không cho cô ấy biết. Tôi biết hai mẹ con cô ta có một cửa hàng nhỏ tại chợ Hàng Đà-Nẵng. Lúc ấy thì tôi được 19 tuổi và cô ta 17, xinh xắn dễ nhìn nên tôi chịu ngay. Một thời kỳ thơ mộng làm quen với cô, đến nhà thăm rồi cô đến nhà tôi chơi nhưng chỉ nói chuyện với em gái tôi thôi. Chúng tôi chỉ thoáng nhìn nhau chứ không hề trò chuyện. Có lúc cô nàng bị cảm nặng tôi đến thăm mà cô không biết, riêng tôi có lên tiếng chào hỏi nhưng cô mê man không trả lời. Thế là tôi ngồi ì ở phòng ngủ cô cả giờ mà không dám đụng đến tay sợ cô ta mất ngủ, và lại chúng tôi chưa hề nắm tay nhau bao giờ. Chúng tôi cũng chưa hò hẹn với nhau, ngoại trừ đi chơi chung với em gái tôi, mà tôi chỉ giữ vai trò làm thợ chụp hình. Tôi chỉ gần gũi cô ta qua những tấm ảnh, hoặc đến nhà cô ta chỉ để thấy mặt chứ rất ít trò chuyện, vì cô ta quá thận trọng. Một năm trôi qua chuyện của chúng tôi chưa đi đến đâu, đột nhiên Ba cô từ Huế vào đem cô về không chịu gả cho tôi. Mẹ cô chỉ là tình nhân của Ba cô vì Ba cô đã có vợ con rồi và thuộc gia đình quyền quý danh phận. Mọi tình đầu của chúng tôi tuy chưa tỏ lộ, nhưng gián tiếp nhìn nhận nhau là đã hứa hôn. Thế là một lần hôn nhân bị gãy đổ, thất bại. Sự nghiệp làm ăn cũng tiêu tan.

Ngã rẽ thứ 4: (sau khi có vợ: thâu ngân viên và tiếp viên tiệm hình của tôi)

Tôi xin Ba tôi đi học lại, để vợ ở nhà tiếp tục trông coi tiệm hình trong khi anh thợ chính của tôi cũng rút lui (quit job), tình nguyện vào lính với cấp bậc hạ-sĩ-nhứt được ổn định cuộc sống hơn. Vợ tôi phải vừa lo chợ búa nấu nướng cho Ba Má tôi vừa phụ trách cửa tiệm; cũng phải

đứng máy chụp căn cước cho khách nhưng phải mượn thợ để chụp ảnh nghệ thuật, sửa phim (retouche) và ảnh rọi lớn, duy trì tiệm cho đến hết thời hạn giao kèo thuê nhà. Tôi đến trường Pellerin xin thi nhập học lớp 3è¹ (chương trình Pháp) bị rớt phải vào lớp 4è¹ (chương trình Pháp). Buồn rười rượi vì nghĩ rằng học như vậy biết chừng nào mới có được mảnh bằng để xin vào công sở, vả lại tuổi 20 sắp phải đi quân dịch với cấp bậc Trung-sĩ, đang chờ Sở tuyển mộ trung binh gọi. Thôi thì đến đâu hay đó, tôi vẫn tiếp tục học lớp 4è với tình trạng buồn nản chán chường. Sau 1 tháng học lớp 4è thấy có vẻ quá dễ, và nhân có một bạn trẻ xúi tôi lên lớp 3è học với anh ta “cho vui” (Anh này là học trò cũ, quen biết nhiều, lại tinh nghịch, biết tôi có vợ qua sự tiết lộ của người anh họ bên vợ, loan ra cả trường kể cả các Frères cũng biết). Thật là chuyện giỡn chơi với tôi vì tôi đã thi sắp lớp mà không đậu làm sao có thể nhảy lên theo anh ta được. Anh ta mách cho tôi một kế tuyệt vời mà tôi không dám nghĩ tới: xin Frère Superieur sát hạch lại. Kết quả được mỹ mãn, tôi được học lớp 3è chung với bạn trẻ đó sau 1 tháng đã phải học lớp 4è. Rất phấn khởi khi làm một bài luận Pháp văn tại lớp tôi được điểm cao nhất. Nhưng sau qua những môn toán lý hóa thì tôi mù tịt không hiểu nổi những gì thầy dạy hướng hồ làm bài tập tại chỗ... Trước biến cố 9-3-45 tôi chỉ học được đúng 1 năm rưỡi trung học, sau đó bỏ học hơn 6 năm mà giờ đây nhảy bằng hai ba lớp, thật là quá khó cho tôi. Đầu óc rối bời, lo vợ lo con, lo phải đi quân dịch nên tôi gặp nhiều trở ngại trong việc học, thật quá sức học của tôi. Tôi tính phải bỏ học vì nếu xuống lớp 4è thì biết tới bao giờ mới có được mảnh

bằng, mà tiếp tục thì không thể học nổi, e “trở về làng cũ học cày cho xong”.



Từ trái sang phải Thiếu tá Nguy Quỳnh (mất tháng 4/75 vì đạn pháo kích) Nguyễn văn Ngọc (GD VNNT)ĐN gục chết tại VP), Lâm Viên, Sư huynh Humbert, Trịnh văn Sách, Trần quốc Toàn, phía sau Huỳnh văn Mẫn, ảnh nhỏ LV 3-4 tuổi

Khổ một nỗi là nếu trở về Đà-nẵng thì thấy xấu hổ với bạn bè thuộc giới thợ thuyền đủ các ngành, nhất là với quý Ông bạn ruột của Ba tôi đã cố võ khuyến khích tôi đi học lại (họ đã thết đãi Ba tôi và tôi một bữa ăn nhà hàng rất sôm tụ). Tiếc thôi lương nan, tôi đánh liều trình bày hoàn cảnh với Frère Humbert dạy toán lý hóa, xin cho phép tôi được nhìn các bạn làm bài tập; Đồng thời sau mỗi bữa ăn tối, tôi phải đạp xe đến nhờ Mai duy B và Võ đại Th chỉ bài.. Trước 9-3-1945 tôi cùng học chung lớp với hai chị em sinh đôi là chị Tôn-nữ-thị-Ph, Tôn-nữ-thị-Lộc, các anh Nguyễn-văn-Mùng, Tạ Hàm, Nguyễn-công-Hàm, Lê bá Nghệ... Trong vòng 2 tháng, nhờ có 2 bạn cũ giúp, không những tôi theo kịp các bạn mà còn được lãnh thưởng hạng 3 trong đợt thi đệ nhất tam cá nguyệt sau 2 tháng học, chỉ kém môn Anh văn. Tiếp tục học thì tôi càng khá hơn và thậm chí tiếc sao không dám đi học lại sớm hơn nữa. Nghĩ lại nghề chụp hình chỉ cần học một vài năm cũng

¹ Lớp 4è (chương trình Pháp) tương đương với lớp đệ Ngũ hoặc lớp 8 bây giờ (năm thứ 3 trung học). Lớp 3è (chương trình Pháp) tương đương với lớp đệ Tứ hay lớp 9 hiện nay (năm thứ 4 trung học).

đủ trình độ và khả năng. Còn tôi sau hơn 4 năm mới được “xuống núi” gọi là ra nghề, vì sư phụ tuy là anh rể bà con nhưng đâu có hết lòng truyền dạy nghề, , thật uổng phí một thời gian vô cùng quý báu.

Đến ngày thi thì tôi và quý Frères cảm chắc là tôi sẽ đậu, nhưng tôi biết tôi sẽ không qua được những môn thi vấn đáp. Điều này quý Frères không biết là tôi chưa học các môn vấn đáp, chỉ lo cho đậu thi viết trước đã, những môn vấn đáp sẽ tính sau. Thế là tôi đậu thi viết mà rớt vấn đáp.

Ngã rẽ thứ 5:

Lúc gần thi viết tôi bị kiết lỵ rất nặng sau khi uống nước sông Bến-ngự trong nồi chưa đun sôi. Chị y- tá cho tôi uống Stovarsol mà không dặn uống thật nhiều nước nên tôi mang bệnh dai dẳng suốt đời: Sau mỗi bữa cơm tôi đau tức hông phía bên trái, đầy hơi, ợ chua phải nằm xuống nghỉ ngơi, không cử động trong vài giờ, rồi mới ngồi dậy học được hoặc làm lụng. Cho nên sau khi bị kiết lỵ tôi hết mong nghĩ tới việc học hành, kể cả học cho qua kỳ thi vấn đáp này, một thử thách vô cùng quan trọng cho cả cuộc đời, cho cả cuộc sống của tôi về sau nữa. Tôi không ngờ được sự học hành của tôi phải chấm dứt một cách oan uổng, sau khi tôi đã vượt qua được những khó khăn ban đầu.

Phải đi làm để kiếm sống và nuôi vợ con, tôi xin được việc ở Tiểu-đoàn Công binh Pháp đóng gần Cổ-viện Chàm Đà-nẵng, với công việc của họa viên bắt đặc dĩ, lương tháng được 2 ngàn rưỡi, vào giữa năm 1952 cũng tạm đủ sống nhưng thiếu chỗ ở. Ba Má tôi đang ở Cư-xá chật hẹp mà tôi cũng phải tá túc với Ba Má cùng 3 đứa em và 1 người giúp việc. Một thời gian vợ chồng chúng tôi đã phải ngủ dưới mái

hiên.

Lại



Lâm Viên vào nghề Công binh Đông dương Pháp ở Kho đạn cũ đường Nguyễn bình Khiêm Saigon

cũng nghe lời xúi dục của một ông bạn của Ba tôi bảo tôi đòi tăng lương, vì ông bạn ấy chỉ là một trắc lượng viên mà được lãnh 7.000 \$ một tháng (1951). Thấy họ được nhiều tiền quá, tôi “tưởng bở” nên cũng yêu sách đòi tăng lương. Yêu sách không được đáp ứng, tôi làm eo nghì việc và cũng là dịp cần ôn lại các môn sử địa, văn chương và luyện đánh máy thể vào môn Anh văn. Vòn vẹn còn hơn 1 tháng nữa là phải thi vấn đáp mà thấy 3 cuốn sách dày cộm phát ngán, chán nản không biết học cách nào cho kịp, e phải đầu hàng. Phần thì phải đi làm mất gần 2 tháng không hề học được chút nào. Ba tôi khuyên cố gắng lấy cho được mảnh bằng mới có tương lai. Phải vâng dạ cho qua trông nhưng lòng dạ thì rối bời, không có hy vọng gì học được một nửa những cuốn sách ấy, thấy rớt là cái chắc. Thôi thì cũng cố gắng, học được chút nào quý chút đó, mỗi món chỉ học được 1/4 cuốn sách chứ không hơn. Ngày “vác chiếu” đi thi tôi rất may mắn, trúng tủ cả mấy môn, liền đánh điện tín cho Ba tôi báo cáo: “examen parfait” mặc dầu chưa công bố kết quả.

Thế là kỳ này tôi quyết định xin nhập ngũ Trường SQTB Thủ-đức để giải quyết vấn đề

sinh kế. Vào gần cuối năm 1952, tại Tỉnh Quảng-nam Đà-nẵng, thuộc đợt trình diện nhập ngũ của tôi chỉ có 3 người có bằng trung học được gọi khám sức khỏe để vào học Khóa 2 Thủ-đức, trong đó có tôi. Tôi không bị trở ngại về sức khỏe, vậy mà đợt hoãn hoãn mãi chẳng được gọi. Có thể vì tôi còn quá trẻ, lo gì thoát nổi nhập ngũ, nên bị đưa vào những đợt sau. Túng đường bí lối, tôi phải về Huế ăn dầm ở đề nhà anh bạn trước đây làm thợ cho tôi, nay đang phục vụ tại phòng tuyển mộ trung binh Huế, nhờ anh ấy giúp thúc đẩy hồ sơ nhập ngũ của tôi để kịp đi khóa này. Chờ đợi cũng khá lâu không có tin trả lời của Thủ-đức, trong khi tôi mong ngóng được vào kịp khóa 2 đã khai giảng. Tôi nghĩ rằng đảng nào cũng phải nhập ngũ thì đi ngay cho rồi, chờ đợi thêm 6 tháng hoặc 12 tháng sẽ không có tiền ăn cho vợ con. Thấy tôi bí lối làm ăn, anh bạn mới nghĩ ra cách cầu xin kẻ khuất mặt hoặc thần linh chỉ đường dẫn lối may ra xoay sở được. Anh bạn là một chức sắc Cao-đài, một tôn giáo rất tin vào thần linh qua phương tiện cầu cơ và thờ mọi tôn giáo kể cả Khổng và Lão giáo. Anh ta đem bàn cơ và nhang đèn, trầm đốt cho bốc khói cho có vẻ huyền bí và trang trọng, anh bạn bày cách khẩn cầu. Miếng Cơ được làm bằng mảnh ván hòm. Một hồi lâu cơ bắt đầu kéo những ngón tay tôi và tay vợ tôi di chuyển một cách khó khăn chậm chạp, chạy vào chữ “giáng”, tiếp đến là chữ xôi, chữ kẹo v.v... Thế là chẳng có thánh thần nào nhập mà chỉ có ma, quỷ đòi ăn; họ cũng cho biết tên tuổi, chết ở đâu, con cái nhà ai, nguyên do nào bị chết. Người lớn nhập vào thì xưng hô là ma, trẻ nhỏ thì xưng là quỷ. Anh chị bạn xác nhận có sự việc đó xảy ra nên vợ chồng tôi cũng chịu khó đi ra chợ xép gần nhà mua xôi và bánh kẹo cúng cho nó, một chú quỷ đói nhỏ chết đuối sau vườn, nơi cái mương đào để ngăn chặn rễ tre. Nó cho biết bị chết đuối vì trong lúc ngồi đi cầu, tay nắm vào một thân cây để khởi té nhưng không ngờ cây

đó bị tróc gốc nên nó té xuống mương nước và chết đuối. Sau đó vợ chồng tôi tiếp tục cầu cơ nữa thì 2 bàn tay chúng tôi di chuyển rất nhanh, rất mạnh. Chúng tôi xin được biết danh tánh thì Mẹ vợ tôi cho biết tên họ đầy đủ nhưng không nói năng gì dài dòng thêm, có vẻ như đang bị xúc động và im lặng. Thế là tôi cầu cứu Bà hương dẫn vợ chồng tôi phải làm gì để sống với tâm trạng rất tuyệt vọng và bối rối, tuy cũng không đặt niềm tin nơi Bà lắm, vì làm sao mà Bà có thể chỉ bày mình đang ở cõi trần này được, và lại Bà cũng không có kiến thức gì cả trước lúc chết; Nhưng bí lối quá cũng phải cầu may, xin Bà dạy bảo con đường làm ăn thử xem có lối thoát nào không? Được biết trước đây Bà bị CS bắn một loạt đạn vào nhà, ở dốc đường Nam-Giao, trong nhà có 4 mẹ con nhưng chỉ một mình Bà bị trúng đạn chết cách đây vài ba năm (kể từ ngày Bà nhập Cơ, khoảng 1949 hoặc 1948). Vợ tôi nghĩ là vì Bà bán rau trái hoa quả cho Pháp, bị VM ngăn cấm mà Bà không tuân lệnh, hoặc vì bạn bè của người anh vợ tôi làm cho Pháp thường đến chơi, có lẽ muốn tán tỉnh vợ tôi, nên có vấn đề ghen tuông giữa những chú nhóc CS và trai tráng ở thành... Tôi xin Bà cho biết kết quả hồ sơ xin nhập học khóa 2 SQTB Thủ-đức thì Bà bảo không được vào lính, nếu đi lính sẽ chết, và lại Bà bảo rằng Bà đã dấu hồ sơ của tôi rồi. Mỗi ngày tôi yêu cầu vợ tôi phải cùng tôi mời Bà xuống (giáng) nhưng vợ tôi sợ lắm không muốn gặp Bà nhiều. Có lẽ vì một lý do thầm kín nào đó vợ tôi đã gây nên cái chết của Bà nên không dám gặp Bà. Một mình tôi cầu thì cơ không chạy. Hôm khác Bà nhập cơ bảo chúng tôi nên vào Saigon kiếm sống. Tôi thưa với Bà là chúng tôi không có tiền mua vé máy bay, mà lúc đó không có đường bộ vì Phú-Yên, Quảng-ngãi Bình-định là chiến khu của VM. Bà nói là Bà sẽ cho 8 ngàn đồng để bay vô Saigon. Huyền hoặc quá nhưng tôi vẫn cứ theo hỏi Bà tiền ở đâu mà có, Bà trả lời là ở kho đạn. Vậy

là đêm nào chúng tôi cũng đem đèn pin đến phạm vi một kho đạn xưa cũ, nay không còn dấu vết gì, ở Thành nội Huế, rọi quanh khắp vùng cầu may, chỉ mong lượm được tiền của ai đánh rớt. Rốt cục chúng tôi cũng lượm được một số tiền tương đương 4 tháng lương của một công chức công nhật, hoặc của một hạ-sĩ quan (hạ sĩ nhất trở lên). Đoán già đoán non, nghi rằng có thể tiền của người đi phát lương đánh rớt. Hôm khác thì Bà lại cho biết sẽ đến chỗ nào trong Nam để xin việc làm. Ban đêm đi rọi đèn pin khắp vùng tìm tiền, ban ngày cầu xin Bà chỉ dẫn thêm cho chính xác, vì mọi sự thấy mơ hồ như đang sống trong ảo ảnh, không mấy tin tưởng nơi Bà dẫn. Bà bảo đến Kadát hoặc Stacar xin việc và đến kho đạn mà lấy 8 ngàn. Bà còn nói thêm rằng nội trong vòng 4 tháng sẽ “có nhà”. Tối tắm mặt mày tôi chỉ nằm thờ dài thờ vắn, nhưng Bà có vẻ phấn khởi như đã biết trước mọi việc, không ngập ngừng do dự trong lúc giảng cơ cho hướng dẫn. Khoảng một tuần sau, bà chị họ con Ông Bác ruột của tôi, cũng là vợ của su-phụ dạy tôi nghề hình, tìm tôi nhờ thuê người và xe về làng tôi tháo dỡ bộ sườn gỗ nhà Ba Má tôi, đem lên Gia-hội cho Mẹ chồng chị tôi, vì có tin Pháp bắt phá tất cả những nhà cửa trong xóm nằm trong phạm vi bán kính 2 km, đặc biệt là nhà xây gạch. Trong lúc thất nghiệp, rảnh rỗi mà giúp Su-phụ việc này là cũng phải thôi, mặc dầu cũng đang cần xin cầu cơ mỗi ngày. Vợ chồng tôi thuê xe vận tải lớn và mượn 4 thanh niên lao động cùng về làng. Tôi thấy một đoàn xe vận tải đậu dọc QL1 và nhiều người nhón nháo chạy tới chạy lui. Một toán người trong xóm mà tôi rất quen biết và cũng là hàng xóm cũ hốt hải chạy ra báo tin là VM đang về trong xóm, ngăn cản không cho tháo dỡ nhà. Đoàn xe dài khoảng 2km nằm một bên đường chờ ngóng tình hình. Vợ chồng tôi cũng đợi ngoài đường với bụng đói và mệt. Đột nhiên gặp được một Bà Cụ hàng xóm, trước kia tôi hay đến xay lúa giã gạo nhờ cối xay của Cụ,

Cụ bảo rằng có một đại-úy ở đồn dưới nghe đầu muốn mua cái sườn nhà của Ba tôi. Tôi như được gặp một Bà Tiên ở trần thế. Tôi tìm gặp được má vợ của Đại-úy đó, họ mặc cả với tôi, kết cuộc bán được với giá 9000 đồng. Thanh toán tiền mượn xe và thuê người mất 500\$ và tiền trả nước cho Xã trưởng 500\$ còn lại đúng 8000\$ để mua 2 vé máy bay và tiêu xài trong thời gian chưa tìm được việc làm. Trước khi đi Saigon Mẹ vợ tôi cũng có nhắc đến Bà Di ruột của vợ tôi ở Thủ-đức. Tôi xin Mẹ vợ cho phép tôi được cầu Bà lên để chỉ đường sinh sống cho tôi khi tôi bị bế tắc, Bà nói rằng nhà Di thờ Chúa, Bà không đến được. Di ở Thủ-đức, lưu lạc vô Nam đã không hề gặp lại nhau khoảng 30 năm, vậy mà Bà biết trong nhà Bà Di ở Thủ-đức có thờ Chúa. Vậy là có điều gì liên hệ đến v/đ tâm linh, thần linh hay tôn-giáo? Phải chăng có ai đó phía tôn giáo của Bà ngăn cản, hoặc Bà nể sợ Chúa? Lúc mới vào Saigon, mỗi ngày vợ chồng tôi cùng đưa con gái đầu lang thang xuống trung tâm Saigon-Chợ lớn đi tìm việc, ăn cơm trưa, còn bữa sáng bữa tối được Di Dượng cho ăn rất tử tế. Vậy mà cũng gần sạch túi vì phải tốn tiền đi xe đò Thủ-đức xuống Saigon-Chợ lớn, ăn tiêu dọc đường đi tìm việc làm, không hề có người quen chỉ dẫn chỗ xin việc. Một hôm tôi lang thang ngang qua đường Lê-thánh-Tôn, thấy một cái bảng đen lớn dựng ngoài lề đường, dán giấy niêm yết của Sở Lao-động cho biết Nha Công-binh Đông-dương Pháp đang cần một họa viên. Thế là ngày hôm sau để vợ con ở Thủ-đức, tôi đi xuống Trung-tâm Saigon tìm đến địa chỉ đã niêm yết xin vào làm, và được thu nhận ngay. Đó là Nha Công-binh (Chefferie du Genie) mà trước kia là một kho-đạn, từng bị một cậu bé tầm xăng vào người chạy vào đốt cháy. Kho đạn nằm trên đường docteur Angier, sau này là đường Nguyễn-bình-Khiêm. Huyền thoại anh hùng Lê-văn-Tám hiện giờ đang được đem ra mổ xẻ tranh cãi tại Việt-Nam. Nghiệm

lại thấy số tiền 8000\$ đúng phong phóc về số lượng, nhưng sau đó mới dính dáng đến hai chữ “kho đạn”, nơi vào làm đầu tiên của tôi, cơ sở Công-binh Pháp . Trước khi vô Saigon Bà bảo tôi đến “Kadát” hoặc “Stacar” (nguyên chữ của Bà ghi) mà xin việc, nhưng tôi không hề biết 2 chữ đó là cơ quan gì, vì nếu tôi biết thì đến Kadát xin làm có thể được ngay, không phải đi lông bông cả tháng trời, rất hồi hộp vì xài đã hết tiền. Thế là nhảy từ Công-binh qua DIA rồi Công-chánh mất 7 năm mới vào Địa-chánh tức là Cadastre còn Stacar là một hãng xe thơ miền Trung có trước 1945 do Ba tôi cho biết. Thật linh ứng, vì cho đến cuối đời công chức, tôi phục vụ tại cơ quan Kadát. Chuyện có nhà sau 4 tháng thì quá huyền hoặc, khó mà tin được. Ở nhà mượn là may chứ nhà cửa ở Saigon đâu dễ gì mà tậu, chỉ có trúng số độc đắc mới may ra. Tôi chưa từng sống ở Saigon nên nghĩ bụng rằng ở chốn phồn hoa đô-thị, nhà cửa phải xây gạch lợp ngói, nền gạch bông đang hoang. Nhà như vậy rất đắt tiền, mà Bà cho biết chỉ tới đa 4 tháng sẽ “có nhà” quả là một điều khó tin. Dù cũng lạc quan nhưng tôi không hề mong được thành sự thật. Vậy mà điều đó có thật: Một tháng đi lông bông, sau khi có việc làm, tôi thuê một căn nhà vách ván thùng, lợp tôn, nền đất. Được 3 tháng thì chủ nhà gạ bán, cho trả góp vì họ cũng đang cần ở nán lại một thời gian. Điều kiện dễ dàng, chòng tiền trước 3000\$ sau đó trả dần mỗi tháng 1000\$ trong 3 tháng. Vậy là tôi tậu được một căn nhà nhỏ ở xóm lao động gọi là xóm Bến-cỏ. Sau khi làm ở TSN tôi tu bổ thêm trần nhà và vách ván gỗ mỏng, nền xi-măng và nới rộng bếp phía sau, tính chuyện ở lâu dài. Tuy ở trong xóm nghèo nhưng cũng thấy vui vì tiền bạc cũng khá khả. Ăn uống quá rẻ so với giá sinh hoạt ở Đà-nẵng hoặc Huế. Tôi làm việc dưới quyền của một Thiếu-tá người Pháp hơi lớn tuổi nhưng rất hiền lành và thân thiện. Ông ta không hề tỏ vẻ thực dân, chuyện trò thân mật, thăm hỏi gia

cảnh tôi và bày vẽ cách ăn uống để tránh tật bệnh v.v...Nhân đọc mục thư tín trong lá thư số 93, thấy có ái hữu Nguyễn văn Tỵ nhắc đến cơ quan DIA, nơi đây tôi cũng từng có ân oán giang hồ với cơ quan này từ đầu năm 1953 đến giữa năm 1955 như sau: làm tại Công binh Pháp được hơn 3 tháng, đọc báo thấy Nha DIA Tân-son-nhứt cần ước toán viên, tôi bỏ Công binh nhảy qua DIA ngay. Nơi này trả lương khá hơn nhiều, cộng thêm tiền làm ngoài giờ đều đặn quanh năm, mà lại đúng sở trường và ước muốn của tôi. Có xe vận tải đưa đón nhưng sau chừng 6 tháng tôi mua một chiếc Vespa mới toanh đi làm được thoải mái tự do hơn. Thời kỳ này toàn thể nhân viên thuộc phòng kỹ thuật chúng tôi làm việc không có Trưởng phòng. Vị Trưởng phòng người Pháp lai tên Martin, vừa mới trác nghiệm tay nghề tôi vài ba tháng trước đây bị thôi việc, hình như vì lý do tiết kiệm ngân quỹ. Chúng tôi vừa làm việc vừa nói chuyện thoải mái ồn ào như cái chợ, miễn là việc ai nấy làm. Khu trưởng chỉ cử một hoạ-viên thâm niên trong nhóm chúng tôi tiếp xúc với Ông ta để lãnh việc về và nộp lại cho Ông sau khi xong. Sếp tên là Marcuard, chánh kỹ-sư và Ô. Marquetti lo về tiền lương. Bên văn-phòng chính DIA có Giám-đốc tên Masson, Trưởng phòng kỹ thuật là Ông Sivigliani. Về sau có thêm Ô. Billouet Kỹ sư cầu đường tăng cường, nhưng Ông ta chỉ thỉnh thoảng đến Khu, xet qua phòng chúng tôi dòm dòm mỗi bàn một chút rồi đi gặp mấy Sếp. Hai sếp Marcuard, Sivigliani và Ô. Masson đều có dạy ở trường CDCC. Làm tại Khu Đại Công tác hàng không (grand travaux aeronautiques) được hơn 2 năm thì Pháp rút về nước...Thế rồi Thầy Tạ Huyền tiếp thu DIA đặt tên là Nha Công tác Phi trường sau cùng là Nha Căn-cứ Hàng Không. Tôi được chuyển giao cho Kỹ sư Phạm văn Ba, Ông này rất điềm đạm nhưng hơi có vẻ nghiêm nghị. Kỹ sư Ba giao cho tôi vẽ một dãy cư xá kiểu mẫu trên những khu đất trống gần cơ sở

DIA cũ. Bộ họa đồ chưa hoàn tất nhưng tôi không muốn làm họa viên, vai trò của tôi là ước toán viên, và lại lương sụt mất hơn một nửa. Tôi định qua Lào làm cho Công chánh Lào: Có ông Giám đốc về Saigon tìm họa viên và ước toán viên, họ chỉ muốn tôi qua đó làm thử và tìm chỗ ăn chỗ ở đầy đủ rồi mới đem vợ con lên sau. Tôi bỏ ý định đi Lào, bỏ luôn kỹ-sư Ba với bản đồ Cur xá vẽ dở dang, về Đà-nẵng ở luôn 3 tuần không xin phép. Đầu óc hoang mang vì cuộc sống bị xáo trộn nhưng sau đó tôi cũng trở lại làm cho kỹ-sư Ba được vài tuần thì có thông tư xét đơn xin chuyển về miền Trung. Kỹ sư Ba không hề thắc mắc về sự vắng mặt vô kỷ luật của tôi. Tôi làm đơn xin về Đà-nẵng nhưng không được, họ chỉ dành ưu tiên cho những tỉnh Quảng-ngãi, Bình-định và Phú-Yên để tái thiết sau khi có hiệp định Genève. Tôi có kế hoạch phải đi học thêm để tiến thân nên không thích về các tỉnh lẻ. Tôi được bổ sung vào Phòng Kỹ-thuật Khu CC Nha trang, thời kỳ Ông Trần-văn-Nam làm Trưởng Khu. Lúc đó nhiều Kỹ-sư mới tốt nghiệp mà người nổi tiếng hách nhất là Kỹ-sư Nguyễn - đình-Hách, hiện giờ không biết Ông ở nơi nào. Tôi công nhận là Ông ta giỏi nghe cấp dưới, chịu về kinh nghiệm thực tế, lại rất hách với cấp trên cũng như đã dám thách thức Giáo-sư sát hạch thi tốt nghiệp: “xin đặt cho tôi câu hỏi nào mà Giáo sư cho là khó nhất” (posez moi la question vous jugez la plus difficile). Ông tốt nghiệp thủ khoa KSCC lúc đó. Nhân dịp vẽ một đồ án một cầu gỗ, tôi đề nghị với Kỹ-sư Hách sửa vài điểm, Ông chịu nghe tôi và đã từng nói với tôi là “khi nào anh thấy có gì không ổn thì signaler dùm tôi”. Trưởng Phòng Kỹ-thuật là Cụ Đình-gia-Bái, sau là Cụ Lê-huy-Bính. Quý Cụ rất hiền lành phúc hậu và rất biết tôi nổi danh “quậy” tại đó. Quậy với những ai và quậy thế nào thì những vị K/S trẻ bổ nhiệm về Phòng KT thời điểm tôi phục vụ tại đó biết rõ. Chánh-Kỹ-sư Nguyễn-văn-Thường thay thế

Cụ Trần-văn-Nam. Tôi xin Ông Trưởng Khu cho tôi đi học phổ thông trong giờ hành-chánh, được chấp thuận với điều kiện phải đi làm bù ngày thứ bảy và chủ nhật (trực điện thoại). Lúc đó Phòng Kỹ-thuật chưa có việc nhiều nên tôi đem toán ra luyện để chuẩn bị thi vô trường CDCC; gặp dịp thi tuyển, tôi đậu được 3 nơi một lượt: nhập ngạch họa-viên, nhập ngạch trắc-lượng-viên địa-chánh và trúng tuyển vào học lớp Dự-bị Trường CDCC ban Công-chánh. Trong lúc chờ được bổ dụng về Tổng Nha Địa-chánh, tôi phải nhập học bên Trường CDCC không có lương, chỉ được học bổng 1000\$ một tháng. Học được vài tháng thì bỏ học để về làm họa viên trong ngạch ở Tổng Nha Địa-chánh, lương cao hơn gấp đôi lương họa-viên công nhật. Sau khi trình diện Ô. Tổng Giám Đốc (Cụ Ng.x.Q cán bộ CS nằm vùng sau 30/4 ra chào đón Ban Quân-quản) tôi được Cụ bảo rằng “sau khi xong thời gian tập sự, tao sẽ cho mày tiếp tục vào lại Trường CDCC” học có lãnh lương. Nhưng sau đó chừng 5-7 tháng thì Cụ vào tù và tôi hết hy vọng vào lại Trường CDCC. Cái số tôi được cấp trên đỡ đần nên Ông TGD mới cũng chấp thuận cho tôi vào lại trường CDCC nhất là nhờ Cụ TGD cũ đã bắc thang cho tôi leo... Vì vậy mà tôi phải học ban địa-chánh một cách tự nguyện. Mẹ vợ tôi đã chỉ cho tôi từ 7 năm trước giờ đây (1958) đã ứng nghiệm. Thật quá linh hiển. Quý vị thấy nên gọi Bà là gì? Bà là một Bà Tiên đối với tôi, và một Bà Tiên thứ hai nữa đã chỉ cho tôi tìm ra được số tiền 8 ngàn đồng để bay vào Saigon tìm kế sinh sống và được gặp nhiều may mắn khác nữa. Cũng phải nói thêm là Bà vẫn theo dõi cuộc sống của vợ chồng tôi lúc chúng tôi đang sống ở Nha-trang. Trước khi được nhập ngạch họa-viên địa-chánh, vợ chồng tôi cứ gây gỗ nhau mãi vì tôi chưa có cuộc sống toại nguyện, tiền bạc thường hay bị thiếu hụt. Bà la chúng tôi “ăn ở không phải đạo”. Một thời gian vợ tôi bỏ về Đà-nẵng đi làm thầu ngân viên cho người

chị dâu (vợ của người anh họ) trúng thầu Câu-lạc-bộ Sĩ-quan ở Đà-nẵng. Vợ tôi lại gọi cô em vợ vào cho tôi vì trước đó ở với gia-đình Cậu ruột quá nghèo túng không thể nuôi được nữa. Chỉ một mình tôi sống với cô em vợ ở tuổi “teen” thì làm sao ổn. Thế là chúng tôi có một mối tình vụng trộm, nhưng chỉ có hình thức chứ chưa xâm phạm tiết hạnh cô ta, tuy không thiếu “những món lẻ tẻ”. Tôi và cô em vợ lập bàn cầu Cơ và được Bà nhập vào bảo người em vợ tôi phải về sống với người Anh ruột ở Huế, nếu không thì cô em sẽ bị tôi “hại” đó. Tôi phải xem Bà là nhà tiên tri ở cõi Âm, dẫn đường chỉ lối cho chúng tôi trong cuộc sống, theo dõi chúng tôi, có khả năng tiếp xúc với người thế gian. Bà không có hành nghề bói toán hoặc đồng bóng lúc còn sống. Vậy mà Bà biết trước tương lai của tôi như đã nói trên. Đối với tôi, Bà không phải là ma, mà là một bậc thần linh hoặc một giới gì cao cả khác thường, vô hình nhưng đang hiện hữu đâu đó trên cõi giới ta bà này...Tôi hoàn toàn lệ thuộc vào Bà, nể sợ Bà vì những sự kiện đã hiển hiện rất linh thiêng trong đời sống của tôi, đúng cho đến gần suốt đời tôi với chữ “ka đát” huyền hoặc . Bà đã theo dõi hành vi bất chính của tôi, cũng như tạo điều-kiện thuận lợi cho tôi giúp đỡ tiền bạc cho cô em đang khốn khó qua được Úc sinh sống, dù rằng con cái vẫn còn sinh sống tại VN, vì lớn tuổi hoặc đã lập gia đình



VỊNH TẾT NGHÈO

*Xuân Tết năm nay chán mở nghèo
Rượu trà chưa có nói chi heo
Rủ bày con, vợ đi xem Tết
Ngóng chừng thiên hạ đón Xuân sao?
Phố, chợ, xe, người chen léo nhéo
Quán hàng bày bán đủ đồ thôi!
Nhón nhác đàn con nhìn lẽo đẽo
Mứt, pháo, dưa, hoa thầy muốn đèo
Khuyên hờ lũ nhỏ ráng nghe theo:
Bánh mứt đất đường ăn kiệt bụng,
Dưa đỗ hạt nhiều kẹt kẽ răng,
Hoa thơm khi độc hư đường mũi,
Pháo hồng to tiếng nổ đình tai.
Thôi về, ta hãy mừng Xuân cũ
Rượu thịt ngày xưa nhớ lấy mùi
Mứt, bánh, dưa, hoa chừng nhấp vị
Pháo dòn tiếng nổ lắng thâm nghe
Năm ngoái con mừng Xuân Tết đủ
Năm nay ăn Tết thế là dư!*

Tô Hữu-Quy
20 Tết Bình-Dần, 1976